

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng** và bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2020/TLST-HS ngày 28/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HS ngày 05/8/2020 đối với bị cáo:

Trịnh Duy Kh, sinh năm 1982; Giới tính: Nam; Quê quán: Thôn C, xã NH, C, Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn C, xã NH, huyện C, Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trịnh Duy Kh, con bà: Nguyễn Thị Nh; Vợ: Nguyễn Thị D và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014; Danh chỉ bản số 72 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 14/01/2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt

* **Người bị hại:** Công ty cổ phần giấy N. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đắc P - Tổng giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện Trịnh Duy Kh đã thực hiện hành vi như sau:

Trịnh Duy Kh là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của Công ty TNHH E (sau đây gọi tắt là công ty E) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107711905, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/01/2017; Địa chỉ trụ sở chính: Khu bệnh viện huyện - tỉnh lộ 419, xã NH, huyện C, Hà Nội; Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng; Ngành nghề kinh doanh, trong đó có lĩnh vực về môi trường (Mã ngành: 7490). Ngày 22/11/2018, công ty E đã bị Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do vi phạm điểm d khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp năm 2014 (Doanh nghiệp không báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 Luật doanh nghiệp năm 2014), đến thời điểm hiện tại, công ty E chưa được cấp lại giấy đăng ký doanh nghiệp.

Tháng 3/2019, thông qua tìm hiểu thông tin trên mạng internet, ông Nguyễn Đắc P - Tổng giám đốc CTCP giấy N(gọi tắt là công ty N) được biết về công ty E, do Trịnh Duy Kh làm Tổng giám đốc đăng tải thông tin giới thiệu về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của công ty. Ông P đã liên hệ đến số điện thoại 0968.660.288 của Kh để đề nghị cung cấp dịch vụ lập hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước cho công ty N. Sau đó, ông P giao cho anh Nguyễn Hoàng H là Trưởng phòng Cơ điện của công ty N liên hệ với Kh để trao đổi, tìm hiểu về việc lập hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của công ty. Trong quá trình trao đổi thông tin giữa hai bên, Kh không cung cấp thông tin về việc công ty E đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho ông P và anh H biết. Ngày 20/3/2019, Kh lấy tư cách là Tổng giám đốc công ty E gửi bản báo giá dịch vụ, kèm theo Hợp đồng dự thảo về việc lập hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty N đến địa chỉ gmail của anh H để anh H tham khảo. Sau khi, anh H nhận hồ sơ, báo cáo xin ý kiến của Tổng giám đốc Công ty và được ông Nguyễn Đắc P đồng ý với bản báo giá và Hợp đồng dự thảo của công ty E.

Ngày 25/3/2019, Kh lập 04 (bốn) bản hợp đồng kinh tế số 11/2019/HDDV/NH-E, được đề ngày 26/3/2019 “Hợp đồng dịch vụ lập hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước” tại địa chỉ công ty E, cũng là nhà riêng của Kh ở xóm G, thôn C, xã NH, huyện C. Kh đã ký, đóng dấu sẵn của bên công ty E sau đó chuyển phát nhanh qua bưu điện huyện C cho công ty N ký. Nội dung chính hợp đồng thể hiện: Công ty E thay mặt cho công ty N lập hồ sơ, liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước để xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho công ty N. Phía công ty N có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thủ tục hồ sơ (theo Hợp đồng ký kết) và thanh toán tổng giá trị hợp đồng là 48.818.000 đồng, đã bao gồm thuế VAT, thời hạn thực hiện hợp đồng là 45 ngày.

Khi ký kết hợp đồng, Kh vẫn không thông báo cho công ty N biết việc công ty E đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, với mục đích để hợp thức việc ký kết hợp đồng và chiếm đoạt số tiền thanh toán trong hợp đồng của công ty N. Sau khi ký hợp đồng, công ty N đã cung cấp đầy đủ các tài liệu để cho Kh làm hồ sơ xin cấp phép; đồng thời ngày 27/3/2019 đã tạm ứng lần 01 số tiền 24.409.000 đồng, tương đương 50% giá trị hợp đồng cho Kh. Sau khi nhận được tài liệu, Kh đã hoàn thiện xong hồ sơ báo cáo hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước và cho công ty N để ký, rồi chuyển lại cho Kh. Sau khi nhận lại hồ sơ, Kh không đi nộp hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội, nhưng Kh vẫn thông báo cho công ty N là hồ sơ đã gửi đến Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội, để cho công ty N thực hiện tạm ứng tiền lần 02 là 14.645.400 đồng, tương đương 30% giá trị hợp đồng cho Kh theo đúng thỏa thuận hợp đồng. Công ty N tạm ứng cho Kh 02 lần đều bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của công ty N (số tài khoản là 020009745166, tại Ngân hàng S – Chi nhánh L) đến tài khoản của Kh (số tài khoản là 2206201011970, tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh C) với tổng số tiền 39.054.400 đồng (Ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm đồng) (tương ứng với 80% giá trị hợp đồng). Hết thời hạn 45 ngày, công ty N vẫn không có giấy phép, nhưng lúc này Kh vẫn không đi nộp hồ sơ xin cấp phép tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do bị công ty N thúc giục nhiều, nên đến đầu tháng 6/2019, Kh đã nảy sinh ý định làm giả Giấy phép xả nước thải cho công ty N.

Quá trình làm giả Giấy phép xả nước thải cho công ty N được Kh thực hiện tại địa chỉ công ty E, ở xóm G, thôn C, xã NH, huyện C như sau: Kh lên mạng Internet tìm kiếm được văn bản số 6397/UBND-TKBT ngày 07/11/2016 của UBND Thành phố Hà Nội có chữ ký của ông Nguyễn Văn S - Phó Chủ tịch UBND Thành phố H, hình con dấu của UBND Thành phố H và mẫu Giấy phép xả nước thải của đơn vị khác. Sau đó tải về máy tính cá nhân, nhả hiệu VIDOW10, dùng phần mềm Paint trong máy tính để cắt “phần chữ ký của ông Nguyễn Văn S – Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội” và “con dấu Quốc huy màu đỏ của UBND Thành phố H”, sau đó dán vào file Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đã được soạn thảo sẵn theo mẫu trên máy tính, rồi dùng máy in màu nhả hiệu EPSILON, model C463C để in Giấy phép xả thải, có nội dung: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội, do ông Nguyễn Văn S - Phó Chủ tịch ký, cho phép công ty N được xả nước thải sinh hoạt tập trung của Nhà máy vào nguồn nước, tại địa chỉ: thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội. Ngày 23/6/2019, Kh gửi cho công ty N qua đường chuyển phát nhanh từ bưu điện huyện C. Sau khi nhận được tài liệu Kh gửi, công ty N nghi ngờ con dấu đỏ có

chữ ký của ông Nguyễn Văn S là bản scan, không phải dấu đỏ đóng trực tiếp vào văn bản, nên đề nghị Kh sang công ty N làm việc. Kh đã thừa nhận Giấy phép trên là giả và thống nhất để Kh tiếp tục thực hiện các bước điều chỉnh nội dung của hồ sơ để trình lên cơ quan chức năng.

Ngày 19/8/2019, Kh nộp hồ sơ xin cấp phép của công ty N lên Chi cục thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố Hà Nội. Đến ngày 21/8/2019, Chi cục thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố Hà Nội có thông báo về việc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết và hướng dẫn nộp hồ sơ tại Tổng cục thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Kh báo lại công ty N về việc phải điều chỉnh và nộp lại hồ sơ. Khoảng tháng 10/2019, Kh liên hệ và nộp hồ sơ của công ty N tại văn phòng Tổng Cục thủy lợi. Sau khi nộp hồ sơ, ngày 27/11/2019, Tổng Cục thủy lợi có văn bản số 1679 về việc thông báo kết quả xem xét hồ sơ của công ty N, theo đó Tổng Cục thủy lợi yêu cầu công ty N bổ sung thêm hồ sơ và cải tạo hệ thống xử lý nước thải để xem xét cấp phép xả thải. Sau khi nhận được thông báo trên, Kh báo lại với công ty N và đề nghị công ty N có đơn kiến nghị với Tổng Cục thủy lợi về một số nội dung yêu cầu không phù hợp. Khi nhận được thông báo của Kh, công ty N nhận thấy có nhiều vướng mắc và đề nghị công ty E chấm dứt hợp đồng và hoàn lại số tiền đã tạm ứng. Tuy nhiên, số tiền Kh đã sử dụng chi tiền cá nhân hết nên không trả lại cho công ty N.

Ngày 10/01/2020, đại diện công ty N đã nộp cho Phòng An ninh kinh tế - Công an Thành phố Hà Nội Giấy phép xả thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/05/2019 của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngày 15/01/2020, Phòng An ninh kinh tế - Công an Thành phố Hà Nội có báo cáo kết quả xác minh và ngày 11/02/2020 đã chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu đến Công an huyện Chương Mỹ để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 24/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chương Mỹ đã ra Quyết định trưng cầu Phòng PC09 – Công an Thành phố Hà Nội giám định: 01 (một) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội. Dưới phần TM.ỦY BAN NHÂN DÂN; KT.CHỦ TỊCH; PHÓ CHỦ TỊCH có hình dấu tròn Ủy ban nhân dân thành phố H và chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S (ký hiệu mẫu A).

Tại Kết luận giám định số 1895/KLGD-PC09-Đ4 ngày 11/3/2020, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội kết luận: Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H” và chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) là hình dấu, chữ ký giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số (Bút lục 147).

Kết quả kiểm tra tại ổ D máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10; thư mục “2019”; sau đó vào thư mục “Giấy N” có chứa thư mục, các file: “Giấy N”, “5678”, “chữ ký số 56”, “chữ ký số 567”, “QUYẾT ĐỊNH CHUẨN”, “QUYẾT ĐỊNH NGỌC HÀ”. Tại 02 file PDF “QUYẾT ĐỊNH CHUẨN”, “QUYẾT ĐỊNH NGỌC HÀ”, trên mỗi file thể hiện có 01 (một) “Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước” đối với Công ty Cổ phần giấy N. Tại phần “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN, KT. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH” có dấu đỏ, chữ ký ghi tên Nguyễn Văn S (chưa ghi số, chưa ghi ngày tháng, chỉ ghi năm 2019). Quá trình kiểm tra đã in và thu giữ 02 (hai) “Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước” có chữ ký xác nhận của Trịnh Duy Kh (Bút lục 207-210). Tại ổ D còn có tệp “Giấy N.rar” có thêm các file: “QĐ N.jpg” thể hiện phần chữ ký, con dấu cắt để ghép vào văn bản giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; file “662bece44817ad49f406.jpg” thể hiện file được tìm kiếm và tải về trên mạng để cắt phần chữ ký, con dấu là văn bản số 6397/UBND - TKBT ngày 07/11/2016 của UBND Thành phố Hà Nội có chữ ký và con dấu của ông Nguyễn Văn S. Toàn bộ tài liệu thể hiện trên tệp “2019” có dữ liệu “Giấy N” và “Giấy N.rar” được lưu giữ vào USB Kingston 16 Gb màu đen và được cho vào phong bì niêm phong có chữ ký niêm phong của Trịnh Duy Kh.

* Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội, gồm 01 trang A4 (bản chính) (được lưu giữ trong hồ sơ vụ án - Bút lục 122).

- 01 (một) máy in màu nhãn hiệu EPSON - Model C463, số seri *VJLY049218*, máy đã qua sử dụng; 01 (một) máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10 màu bạc nắp đen, máy đã qua sử dụng được Kh sử dụng để làm giả Giấy phép xả số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

- 02 (hai) hợp đồng dịch vụ lập hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 11/2019/HĐDV/NH-E, ngày 26/3/2019 và 02 (hai) đơn đề nghị gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của công ty N, ngày 01/4/2019, thu trong quá trình khám xét nơi ở của Kh (được lưu giữ trong hồ sơ vụ án Bút lục 190-201).

- 01 (một) USB Kingston 16 Gb màu đen được sao các tệp, file mà Kh đã tạo ra để thực hiện việc làm giả số Quyết định số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội từ ổ D máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10 của Kh và được cho vào phong bì niêm phong có chữ ký niêm phong của bị can Trịnh Duy Kh (được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án).

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra vụ án, ngày 15/5/2020, Kh đã khắc phục hậu quả, chuyển trả lại cho công ty N số tiền 39.054.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng) mà Kh đã chiếm đoạt trước đó. Đến nay, công ty N không yêu cầu Kh phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Kh.

Tại Bản Cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 17/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Trịnh Duy Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trịnh Duy Kh thừa nhận có mục đích gian dối để lấy được số tiền của công ty N; thừa nhận Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

- Bị hại – trong đơn xin xét xử vắng mặt đã nêu rõ không yêu cầu gì về bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Kh. Đề nghị tuyên bố bị cáo Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 (bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự; phạt Kh từ 18 – 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”; buộc Kh phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 27 – 36 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, lấy lời khai bị hại, người làm chứng, thu thập vật chứng vụ án, thực hiện giám định tài liệu; xác minh lý lịch, nhân thân của bị can; về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can, bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không khiếu nại về việc: Bị Điều tra viên, Kiểm sát viên mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các tài liệu điều tra có trong

hồ sơ vụ án được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên là chứng cứ của vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo Kh tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26/3/2019, Trịnh Duy Kh đã lợi dụng danh nghĩa công ty E (mặc dù tại thời điểm này công ty E không được phép kinh doanh) để ký kết hợp đồng “Cung cấp dịch vụ lập hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước” với công ty giấy N. Sau khi lập và hoàn thiện xong hồ sơ xin cấp phép, Kh không đi nộp hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng vẫn báo cho công ty N đã nộp xong thủ tục cấp phép, mục đích để cho công ty N tiếp tục chuyển trả tiền tạm ứng lần 2 cho Kh. Tổng số 02 lần công ty N chuyển khoản cho Kh là 39.054.400 đồng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Đến hết thời hạn thực hiện hợp đồng, Kh cũng không đi nộp hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp phép.

Do quá thời hạn thỏa thuận phải xin cấp Giấy phép và bị công ty giấy N thúc giục nhiều, nên trong tháng 6/2019, tại nhà ở của Trịnh Duy Kh ở xóm G, thôn C, xã NH, huyện C, Hà Nội, Kh đã sử dụng máy tính và máy in màu làm giả 01 (một) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố H bằng phương pháp in màu kỹ thuật số, sau đó chuyển phát nhanh đến công ty N có địa chỉ tại thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội.

Như vậy, Kh đã có sự gian dối để lấy được số tiền 39.054.400 đồng của công ty N là tại thời điểm Kh ký hợp đồng với công ty giấy N và để thực hiện việc chiếm đoạt này được trót lọt thì Kh đã làm giả tài liệu, con dấu của UBND Thành phố Hà Nội bằng “Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019”.

Hành vi nêu trên của Trịnh Duy Kh đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Kh đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương; hành vi Làm giả con dấu, tài liệu giả của Kh đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước; các hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Kh có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được các hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và dẫn dắt phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm vào hai tội nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Công ty N đã được bị cáo Kh bồi thường 39.054.400 đồng; đến nay không yêu cầu gì về bồi thường dân sự đối với Kh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội, gồm 01 trang A4 (bản chính) (được lưu giữ trong hồ sơ vụ án - Bút lục 122).

- 02 (hai) hợp đồng dịch vụ lập hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 11/2019/HDDV/NH-E, ngày 26/3/2019 và 02 (hai) đơn đề nghị gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của công ty N, ngày 01/4/2019, thu trong quá trình khám xét nơi ở của Kh (được lưu giữ trong hồ sơ vụ án Bút lục 190-201).

- 01 (một) USB Kingston 16 Gb màu đen được sao các tệp, file mà Kh đã tạo ra để thực hiện việc làm giả số Quyết định số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội từ ổ D máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10 của Kh và được cho vào phong bì niêm phong có chữ ký niêm phong của bị can Trịnh Duy Kh (được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) máy in màu nhãn hiệu EPSON - Model C463, số seri *VJLY049218*, máy đã qua sử dụng; 01 (một) máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10 màu bạc nắp đen, máy đã qua sử dụng được Kh sử dụng để làm giả Giấy phép xả số 183/GP-UBND ngày 29/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[2.4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo **Trịnh Duy Kh** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

3. Phạt: **Trịnh Duy Kh 18** (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **10** (mười) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ

chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là **28** (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy in màu nhãn hiệu EPSON - Model C463, số seri *VJLY049218*, máy đã qua sử dụng; 01 (một) máy Tablet nhãn hiệu VIDOW10 màu bạc nắp đen, máy đã qua sử dụng.

(Số vật chứng trên đã được niêm phong có hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2020).

5. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Trịnh Duy Kh phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai